1. **THỦ TỤC YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**\* Trình tự thực hiện:**

- Khi yêu cầu trợ giúp pháp lý, người yêu cầu phải nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang hoặc tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý (tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp; tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý).

 - Sau khi tiếp nhận hồ sơ, người tiếp nhận phải xem xét và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện thụ lý hoặc phải bổ sung thêm giấy tờ, tài liệu có liên quan. Trường hợp người yêu cầu chưa thể cung cấp đầy đủ hồ sơ nhưng cần thực hiện trợ giúp pháp lý ngay do vụ việc sắp hết thời hiệu khởi kiện, sắp đến ngày xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng chuyển yêu cầu trợ giúp pháp lý cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc để tránh gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý thì người tiếp nhận yêu cầu báo cáo người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và thụ lý ngay, đồng thời hướng dẫn người yêu cầu trợ giúp pháp lý bổ sung các giấy tờ, tài liệu cần thiết.

- Thời hạn bổ sung giấy tờ, tài liệu chứng minh là người được trợ giúp pháp lý đối với trường hợp thụ lý ngay vụ việc trợ giúp pháp lý, cụ thể như sau:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể tè khi vụ việc trợ giúp pháp lý được thụ lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cung cấp, bổ sung các giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý. Trường hợp người được trợ giúp pháp lý cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trường hợp bất khả kháng thì thời hạn bổ sung giấy tờ, tài liệu là 10 ngàylàm việc, kể từ khi vụ việc trợ giúp pháp lý được thụ lý.

+ Trường hợp người yêu cầu trợ giúp pháp lý không cung cấp giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý trong thời hạn nêu trên thì vụ việc trợ giúp pháp lý không được tiếp tục thực hiện. Việc không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý được tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người được trợ giúp pháp lý.

- Khi yêu cầu trợ giúp pháp lý đủ điều kiện thụ lý thì cán bộ tiếp nhận vụ việc trợ giúp pháp lý vào Sổ thị lý, theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý từ chối thụ lý và thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người yêu cầu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Yêu cầu trợ giúp pháp lý không phải là vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý và không phù hợp với quy định của Luật Trợ giúp pháp lý;

+ Yêu cầu trợ giúp pháp lý có nội dung trái pháp luật;

+ Người được trợ giúp pháp lý đã chết;

+ Vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác thụ lý, giải quyết.

**\* Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính;

- Gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử.

*\* Lưu ý:*Việc nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

- Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: người yêu cầu trợ giúp pháp lý nộp đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc và xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý;

Trong trường hợp người yêu cầu trợ giúp pháp lý không thể tự mình viết đơn thì người tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm ghi các nội dung vào mẫu đơn để họ tự đọc hoặc đọc lại cho họ nghe và yêu cầu họ ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn.

- Trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: người yêu cầu trợ giúp pháp lý nộp đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc và bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý;

- Trường hợp gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử, khi gặp người thực hiện trợ giúp pháp lý, người yêu cầu trợ giúp pháp lý phải xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thức giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

**\* Thành phần hồ sơ:**

- Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý;

- Giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ban hành, cụ thể:

1. Giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận là người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;

c) Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bằng Anh hùng, Bằng Có công với nước;

d) Quyết định trợ cấp, phụ cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

đ) Quyết định hoặc giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

2. Giấy tờ chứng minh người thuộc hộ nghèo là giấy chứng nhận hộ nghèo.

3. Giấy tờ chứng minh là trẻ em gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em.

4. Giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó.

5. Giấy tờ chứng minh người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

6. Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội.

7. Giấy tờ chứng minh là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp tiền tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ hoặc Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ, Bằng tổ quốc ghi công có tên liệt sỹ kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ thân nhân với liệt sỹ.

8. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm chất độc da cam có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi đối với con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hoặc Giấy chứng nhận bệnh tật, dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học.

9. Giấy tờ chứng minh là người cao tuổi có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên trong giấy là người cao tuổi.

10. Giấy tờ chứng minh là người khuyết tật có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo Giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 9 Điều này.

11. Giấy tờ chứng minh là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là bị hại và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

12. Giấy tờ chứng minh là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Quyết định tiếp nhận nạn nhân bạo lực gia đình vào nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi bạo lực gia đình gây ra; Quyết định cấm người gây bạo lực gia đình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình; Quyết định xử lý vi phạm hành chính với người có hành vi bạo lực gia đình.

13. Giấy tờ chứng minh là nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân theo quy định tại Điều 28 Luật Phòng, chống mua bán người.

14. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm HIV có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người nhiễm HIV.

15. Các loại giấy tờ hợp pháp khác do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định được người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

Trong trường hợp những người thuộc diện được trợ giúp pháp lý bị thất lạc các giấy tờ nêu trên thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó.

- Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**\* Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan.

**\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người yêu cầu trợ giúp pháp lý.

**\* Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang; tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.

**\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Vụ việc được thụ lý.

**\* Phí, lệ phí:** Không

**\* Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người được trợ giúp pháp lý có thể tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý;

- Vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý;

- Vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 26 của Luật Trợ giúp pháp lý;

- Vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc lĩnh vực, hình thức trợ giúp pháp lý quy định tại Điều 27 của Luật Trợ giúp pháp lý;

- Vụ việc trợ giúp pháp lý không thuộc trường hợp phải từ chối theo quy định tại khoản 3, Điều 30 của Luật Trợ giúp pháp lý.

# **\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý (Mẫu 02-TP-TGPL **-** Ban hành kèm theo Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx) ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành).

**\* Căn cứ pháp lý:**

- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

- Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx)  ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

- Thông tư số [09/2022/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-03-2021-tt-btp-sua-doi-thong-tu-08-2017-tt-btp-huong-dan-luat-tro-giup-phap-ly-477846.aspx) ngày 30/12/2022 2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Mẫu 02-TP-TGPL

Ban hành kèm theo Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……….........., ngày ..... tháng ..... năm 20......*

**ĐƠN YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Kính gửi: .........................(1)............................

**I. Phần thông tin dành cho người yêu cầu trợ giúp pháp lý**

Họ và tên: ................(2)..........................................................................................

Địa chỉ liên hệ: ........................................................................................................

Điện thoại: ..............................................................................................................

Số CMND/Thẻ CCCD: ...................................…...................................................

Mối quan hệ với người được trợ giúp pháp lý:…………………………………...

**II. Phần thông tin dành cho người được trợ giúp pháp lý**

Họ và tên: ................(3)...........................................................................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................ Giới tính: .............................

Địa chỉ liên hệ: ........................................................................................................

Điện thoại:...............................................................................................................

Số CMND/Thẻ CCCD: ………………..................................................................

Diện người được trợ giúp pháp lý:..........................................................................

**III. Nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý**

1. Tóm tắt yêu cầu trợ giúp pháp lý

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

................................................................................................................................. .................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................

................................................................................................................................. ..…...........................................................................................................................

2. Yêu cầu hình thức trợ giúp pháp lý

Tư vấn pháp luật

Tham gia tố tụng

Đại diện ngoài tố tụng

3. Tài liệu gửi kèm theo đơn

a) ............................................................................................................................

b) ............................................................................................................................

c) ............................................................................................................................

Tôi xin cam đoan lời trình bày trên là đúng sự thật. Đề nghị .......................(1) ..................... xem xét trợ giúp pháp lý.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)*

**Chú thích:**

(1): Tên tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

(2): Họ và tên người yêu cầu trợ giúp pháp lý;

(3): Họ và tên người được trợ giúp pháp lý.

**2. THỦ TỤC THAY ĐỔI NGƯỜI THỰC HIỆN TGPL**

**\* Trình tự thực hiện:**

- Người được trợ giúp pháp lý có căn cứ cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc một trong các trường hợp không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc phải từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật Trợ giúp pháp lý thì làm đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý gửi Trung tâm Trợ giúp pháp lý.

- Sau khi nhận được đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người được trợ giúp pháp lý và cử người khác thực hiện trợ giúp pháp lý trong trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc một trong các trường hợp không được tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc được thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định.

**\* Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính;

- Gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử.

**\* Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý

- Các giấy tờ, tài liệu liên quan đến yêu cầu thay đổi.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ*.*

**\* Thời hạn giải quyết hồ sơ:** trong ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.

**\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

**\* Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh.

**\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Văn bản trả lời người được trợ giúp pháp lý về việc thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý

**\*  Lệ phí:**Không có.

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**Đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý *(Mẫu số 04-TP-TGPL ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động Trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc Trợ giúp pháp lý và quy định tại khoản 3 điều 1 Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành)*.

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Khi có căn cứ cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc một trong các trường hợp không được tiếp tục thực hiện hoặc phải từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý, cụ thể như sau:

- Thực hiện hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp đã chấp hành xong hình thức xử lý vi phạm và được thực hienj trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý;

- Bị thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý, thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý, chứng chỉ hành nghề Luật sư, thẻ tư vấn viên pháp luật;

- Các trường hợp không được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng;

- Đã hoặc đang thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý là các bên có quyền lợi đối lập nhau trong cùng một vụ việc, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác đối với vụ việc tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng trong lĩnh vực dân sự;

- Có căn cứ cho rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể không khách quan trong thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Có lý do cho thấy không thể thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý một cách hiệu quả, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.

**\* Căn cứ pháp lý:**

- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

- Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx)  ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

- Thông tư số [09/2022/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-03-2021-tt-btp-sua-doi-thong-tu-08-2017-tt-btp-huong-dan-luat-tro-giup-phap-ly-477846.aspx) ngày 30/12/2022 2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Mẫu 04-TP-TGPL

Ban hành kèm theo Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*…………, ngày … tháng … năm 20…*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NGƯỜI THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Kính gửi: ……………………………………………… ……

Họ và tên: ……………………………….…………………..……………………

Ngày, tháng, năm sinh: ……….…………………….Giới tính: ……………….…

Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………………………………

Điện thoại: ………………………………………………………………………...

CMND/CCCD số: ……………………..……….…………………………………

Là người được trợ giúp pháp lý Hoặc là người giám hộ của người được trợ giúp pháp lý ..………………………….…………………………….…… đang được Ông/Bà …………….……………………….trợ giúp pháp lý trong vụ việc …………………………………………………………………………………….

Căn cứ vào khoản 5 Điều 8 của Luật Trợ giúp pháp lý, tôi đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý với lý do sau đây: …………………………………….

Tài liệu gửi kèm theo đơn (nếu có):

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

Tôi xin cam đoan lời trình bày trên là đúng sự thật. Đề nghị …………… ……………. ………………..xem xét thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ)*

1. **THỦ TỤC RÚT YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**\* Trình tự thực hiện:**

- Người được trợ giúp pháp lý có nguyện vọng rút yêu cầu trợ giúp pháp lý thì làm đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý và gửi tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý (Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm, tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý) hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý (Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, Tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, Cộng tác viên trợ giúp pháp lý).

- Khi nhận được đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trả lời ngay bằng văn bản về việc không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.

**\* Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính;

- Gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử.

**\* Thành phần hồ sơ:**

- Đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**\* Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người được trợ giúp pháp lý có nguyện vọng rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

**\* Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh, Chi nhánh của Trung tâm; tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.

**\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Người được trợ giúp pháp lý được rút yêu cầu trợ giúp pháp lý, vụ việc trợ giúp pháp lý kết thúc.

**\* Phí, lệ phí:** Không.

**\* Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**Không có

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn rút yêu cầu trợ giúp pháp lý theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx) ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Mẫu số 05-TP-TGPL)và quy định tại khoản 4 điều 1 Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

**\* Căn cứ pháp lý:**

- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

- Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx)  ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

- Thông tư số [09/2022/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-03-2021-tt-btp-sua-doi-thong-tu-08-2017-tt-btp-huong-dan-luat-tro-giup-phap-ly-477846.aspx) ngày 30/12/2022 bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Mẫu 05-TP-TGPL

Ban hành kèm theo Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.........., ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

**ĐƠN RÚT YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Kính gửi: .........................(1)............................

Tôi là (họ và tên): .................(2) hoặc (3) .............................................................,

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................. Giới tính: ............................

Địa chỉ liên hệ: ........................................................................................................

Điện thoại: ……………………………………………………..…………………

CMND/Thẻ căn cước công dân số: ........................................................................

Là người được trợ giúp pháp lý

Hoặc là giám hộ của người được trợ giúp pháp lý …………..(2)………… đang được ……………….(1)………………… trợ giúp pháp lý.

Đến nay, do không còn nhu cầu trợ giúp pháp lý, căn cứ vào khoản 6 Điều 8 của Luật Trợ giúp pháp lý, tôi xin rút yêu cầu trợ giúp pháp lý, đề nghị ..............(1)............... xem xét, quyết định.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)*

**Chú thích:**

(1): Tên tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

(2): Họ và tên người được trợ giúp pháp lý;

(3): Họ và tên người giám hộ của người được trợ giúp pháp lý.

**4. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**\* Trình tự thực hiện:**

-Người được trợ giúp pháp lý có quyền gửi đơn khiếu nại đến người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

- Người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đối với những hành vi quy định tại khoản 1, Điều 45 Luật Trợ giúp pháp lý trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại.

- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc quá thời hạn mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lên Giám đốc Sở Tư pháp. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở Tư pháp có hiệu lực thi hành.

- Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở Tư pháp hoặc quá thời hạn mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Tòa án.

**\* Cách thức thực hiện:** Nộp đơn khiếu nại đến người đứng đầu của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

**\* Thành phần hồ sơ:**

Đơn khiếu nại và các giấy tờ có liên quan (nếu có).

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**\* Thời hạn giải quyết hồ sơ:**

- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại;

- Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 14 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

**\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

**\* Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Người đứng đầu của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang.

**\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giải quyết khiếu nại.

**\* Phí, lệ phí:** Không.

**\* Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

- Khi có căn cứ cho rằng tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý có hành vi trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình như: từ chối thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý; không thực hiện trợ giúp pháp lý; thực hiện trợ giúp pháp lý không đúng pháp luật; thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý không đúng pháp luật.

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn khiếu nại theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx) ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Mẫu số 03-TP-TGPL)

**\* Căn cứ pháp lý:**

- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

- Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý;

- Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx)  ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

- Thông tư số [03/2021/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-03-2021-tt-btp-sua-doi-thong-tu-08-2017-tt-btp-huong-dan-luat-tro-giup-phap-ly-477846.aspx) ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [08/2017/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-08-2017-tt-btp-huong-dan-luat-tro-giup-phap-ly-giay-to-tro-giup-phap-ly-371153.aspx) ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-12-2018-tt-btp-huong-dan-hoat-dong-nghiep-vu-quan-ly-chat-luong-vu-viec-tro-giup-phap-ly-381312.aspx) ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý*.*

|  |
| --- |
| *Mẫu số 03-TP-TGPL*  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BTP)* |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**---------------**

*…………, ngày … tháng … năm 20…*

**ĐƠN KHIẾU NẠI**

Về việc …………………………………………

Kính gửi: …………………………………………. ……………………………..

Họ và tên: …………………….…………………………………………………..

Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………………………………

Điện thoại: ………………………………………………………………………..

Số CMND/Thẻ CCCD: ………………….……….cấp ngày …………………….

tại …………………………………………………………………………………

Là người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc: …………………………………..

Hoặc là người giám hộ của người được trợ giúp pháp lý…………..………….....

đang được trợ giúp pháp lý trong vụ việc ………………………………………..

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Trợ giúp pháp lý, tôi khiếu nại với ……………… ………… ……..…. về việc ………..……. . ……………của ……………….. ………………… với nội dung cụ thể như sau:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

Yêu cầu giải quyết khiếu nại như sau:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tài liệu gửi kèm theo đơn (nếu có):

a) …………………………………………………………………………………

b) …………………………………………………………………………………

c) …………………………………………………………………………………

Tôi xin cam đoan nội dung khiếu nại trên là đúng sự thật. Đề nghị ………….. (2) ………………. xem xét giải quyết khiếu nại cho tôi theo quy định.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ)

***Chú thích:***

(1): Ghi rõ một trong 04 nội dung khiếu nại về:

- Từ chối thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý;

- Không thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Thực hiện trợ giúp pháp lý không đúng pháp luật;

- Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý không đúng pháp luật.

(2): Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

(3): Họ và tên người được trợ giúp pháp lý.

(4): Tên của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

(5): Họ và tên của người thực hiện trợ giúp pháp lý.

1. **THỦ TỤC LỰA CHỌN KÝ HỌP ĐỒNG VỚI LUẬT SƯ**

**Trình tự thực hiện:**

- Căn cứ vào nguồn lực trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (sau đây gọi là Trung tâm) đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của Trung tâm để dự kiến số lượng luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý (sau đây gọi là luật sư).

- Giám đốc Trung tâm quyết định thành lập Tổ đánh giá hồ sơ lựa chọn luật sư.

- Thông báo lựa chọn luật sư được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp địa phương (tối thiểu là 05 ngày làm việc) gồm những nội dung: Số lượng luật sư dự kiến lựa chọn; điều kiện ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; cách thức, tiêu chí, thang bảng điểm đánh giá hồ sơ; yêu cầu về hồ sơ; địa điểm, thời hạn nộp hồ sơ; dự thảo hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý; các yêu cầu khác (nếu có).

- Trên cơ sở thông báo lựa chọn luật sư, luật sư nộp hồ sơ về Trung tâm (thời hạn nộp hồ sơ quy định tại thông báo lựa chọn luật sư; bảo đảm thời hạn tối thiểu là 20 ngày kể từ ngày thông báo được đăng tải).

- Tổ đánh giá luật sư hoàn thành việc đánh giá trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 02 ngày.

- Trung tâm có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Luật sư phải có số điểm đánh giá từ 50 điểm trở lên và được lựa chọn theo thứ tự từ cao xuống thấp đến đủ số lượng dự kiến lựa chọn.

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm. Quá thời hạn trên mà luật sư được lựa chọn không ký hợp đồng thì Trung tâm thông báo để ký hợp đồng với luật sư có số điểm cao kế tiếp sau (nếu còn).

**\* Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**\* Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý có xác nhận của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà luật sư ký hợp đồng lao động đồng ý cho luật sư tham gia ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Bản sao thẻ luật sư;

- Bản giới thiệu về quá trình hành nghề của luật sư, vụ việc tham gia tố tụng, kinh nghiệm tham gia trợ giúp pháp lý;

- Các tài liệu khác theo thông báo lựa chọn luật sư (nếu có).

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**\* Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Không quá 21 ngày, cụ thể:

- Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 02 ngày.

- Trung tâm có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm.

**\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Luật sư tham gia lựa chọn ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm.

**\* Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang.

**\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý giữa Trung tâm và luật sư.

**\* Phí, lệ phí:** Không.

**\* Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Luật sư có đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Luật Trợ giúp pháp lý. Cụ thể:

+ Không đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư;

+ Không bị cấm hành nghề hoặc bị hạn chế hoạt động nghề nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

+ Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà luật sư ký kết hợp đồng lao động.

- Luật sư đã thực hiện hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Trợ giúp pháp lý thì không được lựa chọn, ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời gian ít nhất là 02 năm kể từ ngày có kết luận vi phạm. Cụ thể:

+ Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý; phân biệt đối xử người được trợ giúp pháp lý;

+ Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được trợ giúp pháp lý; sách nhiễu người được trợ giúp pháp lý;

+ Tiết lộ thông tin về vụ việc trợ giúp pháp lý, về người được trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp người được trợ giúp pháp lý đồng ý bằng văn bản hoặc luật có quy định khác;

+ Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp quy định tại Luật này và quy định của pháp luật về tố tụng;

+ Lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý để trục lợi, xâm phạm quốc phòng, an ninh quốc gia, gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức xã hội;

+ Xúi giục, kích động người được trợ giúp pháp lý cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trái pháp luật.

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

**\* Căn cứ pháp lý:**

- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

- Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý;

- Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-19-2011-tt-btp-sua-doi-quy-dinh-thu-tuc-hanh-chinh-131321.aspx)  ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

- Thông tư số [03/2021/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-03-2021-tt-btp-sua-doi-thong-tu-08-2017-tt-btp-huong-dan-luat-tro-giup-phap-ly-477846.aspx) ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [08/2017/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-08-2017-tt-btp-huong-dan-luat-tro-giup-phap-ly-giay-to-tro-giup-phap-ly-371153.aspx) ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số [12/2018/TT-BTP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-12-2018-tt-btp-huong-dan-hoat-dong-nghiep-vu-quan-ly-chat-luong-vu-viec-tro-giup-phap-ly-381312.aspx) ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý*.*

|  |
| --- |
| TP-TGPL-10  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BTP)* |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

................, ngày       tháng       năm 20....

***ĐƠN ĐỀ NGHỊ LÀM CỘNG TÁC VIÊN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ***

**Kính gửi: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố………**

Tên tôi là: ……………………….................................................................

Sinh ngày … tháng … năm ….......                Giới tính (Nam/Nữ):...............

Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân: ......……………..…….........

Địa chỉ thường trú…………………………..……………………..……......

Chức danh đã đảm nhiệm trước khi nghỉ hưu.................................................

Điện thoại ………………………. Điện thoại di động………………...........

Email……………………………………………………………………......

Sau khi nghiên cứu các quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý, tôi thấy mình có đủ điều kiện và có nguyện vọng trở thành cộng tác viên trợ giúp pháp lý. Đề nghị Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố…………………… thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố ……………… cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý cho tôi.

Tôi chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của cộng tác viên trợ giúp pháp lý theo quy định.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |